TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2024/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 14 tháng 05 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST- DS ngày 17 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị B,** sinh năm: 1962;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn B1,** sinh năm 1980;

Bà **Trần Thị Thu N,** sinh năm: 1987;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn B1 và bà Trần Thị Thu N thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị B tổng số tiền 143.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu đồng)* bao gồm tiền tiền hụi, tiền vay.

Ghi nhận bà Huỳnh Thị B không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 3.575.000 đồng (*Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*. Bà Trần Thị B2 tự nguyện chịu ½ số tiền án phí nêu trên là 1.787.500 đồng *(Một triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng)* nhưng do bà B2 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Ông Nguyễn Văn B1 và bà Trần Thị Thu N có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí là 1.787.500 đồng (*Một triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng).*

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết